

PHỤ LỤC I¹

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ VÀ ĐĂNG KIỂM VIÊN

1.1 Đối với nhân viên nghiệp vụ

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp, quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định;

c) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý có liên quan.

1.2 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng III;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.3 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng II;

¹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.4 Đối với đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của đăng kiểm viên hạng I;

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu hoặc máy tàu theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư này;

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

1.5 Đối với đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

a) Giới thiệu về Cục Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

c) Hướng dẫn thẩm định thiết kế trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện và chế tạo sản phẩm công nghiệp theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm và các hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan;

d) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI ĐĂNG KIỂM VIÊN

2.1 Nguyên tắc chung

2.1.1 Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên hướng dẫn đăng kiểm viên thực tập theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Đăng kiểm viên đã thực tập đối với loại phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa (Mã số đăng ký: QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi) thì không cần phải thực tập đối

với loại phương tiện tương ứng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm giám sát kỹ thuật và đóng phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ (Mã số đăng ký: QCVN 25:2015/BGTVT).

2.1.2 Đăng kiểm viên hoàn thành thực tập hạng mục nào và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được cấp Giấy chứng nhận theo hạng mục đó trong phạm vi thực hiện.

2.2 Thực tập nghiệp vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

2.2.1 Thực tập nghiệp vụ kiểm tra đóng mới phương tiện thủy nội địa

Đăng kiểm viên thực tập đầy đủ hạng mục theo chuyên ngành trong đóng mới theo chương trình tập huấn, phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện.

a) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra phóng dạng (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không

TT	Hạng mục thực tập
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

b) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra phóng dạng
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
2	Hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Bố trí và trang bị cho tàu (cứu sinh, trang bị cá nhân, thiết bị thở,...)

c) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra phóng dạng
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
4	Kiểm tra hàn thân tàu
5	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, kiểm tra không phá hủy
6	Kiểm tra trước khi hạ thủy: đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
7	Kiểm tra trang thiết bị
8	Thử tại bến
9	Giám sát thử nghiêng lệch, xác nhận báo cáo thử nghiêng, xác định trọng lượng tàu không
10	Thử đường dài
11	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
	Tàu khách (thực tập bổ sung)
12	Kiểm tra kết cấu chống cháy
13	Kiểm tra trang thiết bị an toàn

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra gia công chi tiết, cụm chi tiết, lắp ráp thân tàu
2	Hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Bố trí và trang bị cho tàu (cứu sinh, trang bị cá nhân, thiết bị thở,...)

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở hoá chất thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra kết cấu/vật liệu đặc biệt
2	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (các ống thông hơi trên boong cao nhất, các van thở)
3	Kiểm tra kết cấu chống cháy
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị cho tàu (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,...)

Các hạng mục thực tập vỏ tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở khí hoá lỏng thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra kết cấu đặc biệt (cấu trúc đỡ két hàng, bố trí làm kín boong thời tiết tại vị trí lỗ mở cho két hàng)
2	Kiểm tra kết cấu két hàng
3	Bố trí và trang bị cho tàu (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,...)
4	Kiểm tra hệ thống và trang bị dập cháy trên tàu

Lưu ý: các hạng mục thực tập tương tự đối với tàu dầu, tàu chở hoá chất và tàu chở khí hoá lỏng có thể được công nhận lẫn nhau.

d) Các hạng mục thực tập phần máy tàu và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu
5	Thử hoạt động các bơm trên tàu
6	Kiểm tra, thử máy lái
7	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
8	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
9	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
10	Kiểm tra thiết bị điện
11	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
12	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu, vô tuyến điện và các thiết bị tín hiệu

đ) Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Bố trí đường ống (vật liệu sử dụng, liên kết hàn, thử không phá hủy, thử áp lực thủy tĩnh, thử rò rỉ)

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
5	Kiểm tra nồi hơi (lắp đặt, thử hoạt động, van an toàn, hệ thống kiểm soát đốt)
6	Kiểm tra bình khí nén và máy nén khí (lắp ráp, thử thủy tĩnh và thử hoạt động)
7	Thử hoạt động các bơm trên tàu
8	Thử hút khô
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
11	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
12	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
13	Kiểm tra thiết bị điện
14	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
15	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng II muốn được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống dầu hàng (lắp đặt đường ống dầu hàng)
2	Kiểm tra buồng bơm hàng (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

e) Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
	Với tất cả các loại tàu
1	Kiểm tra hồ sơ, chứng chỉ của hệ thống máy tàu được quy định ở Phần 3 Mục II của QCVN 72:2013/BGTVT và các sửa đổi
2	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
3	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
4	Bố trí đường ống (vật liệu sử dụng, liên kết hàn, thử không phá hủy, thử áp lực thủy tĩnh, thử rò rỉ)
5	Kiểm tra nồi hơi (lắp ráp, thử hoạt động, van an toàn, hệ thống kiểm soát đốt)
6	Kiểm tra bình khí nén và máy nén khí (lắp ráp, thử thủy tĩnh và thử hoạt động)
7	Thử hoạt động các bơm trên tàu
8	Thử hút khô
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
11	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
12	Thử đường dài phần máy tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
13	Kiểm tra thiết bị điện
14	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
15	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu dầu thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống dầu hàng (lắp đặt đường ống dầu hàng)
2	Kiểm tra buồng bơm hàng (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở hoá chất thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống hàng (lắp đặt đường ống hàng)
2	Bơm hàng, bơm dẫn, buồng bơm (lắp đặt bơm hàng, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông hơi két hàng (ống thông hơi và van thở trên boong cao nhất)
4	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu
5	Kiểm soát môi trường (hệ thống khí trơ, cách ly, đệm,...)
6	Kiểm tra hệ thống thông gió cưỡng bức ở khu vực hàng
7	Kiểm tra hệ thống rửa, thu hồi, hút vét và xả thải hàng lỏng
8	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới của đăng kiểm viên hạng I có nhu cầu được công nhận là đăng kiểm viên kiểm tra đóng mới tàu chở khí (được điều áp) và tàu chở khí (nhiệt độ thấp) thì phải thực tập bổ sung các hạng mục sau:

Tàu chở khí (được điều áp)

TT	Hạng mục thực tập
1	Bố trí đường ống hàng (lắp đặt đường ống hàng)
2	Bơm hàng, máy nén hàng, buồng bơm (lắp đặt bơm hàng, máy nén, bố trí làm kín trục bơm xuyên vách, thử chức năng thiết bị an toàn)
3	Kiểm tra hệ thống thông gió trong không gian hầm hàng
4	Kiểm tra thiết bị kiểm soát và chỉ báo (thiết bị chỉ báo mức, đo áp suất chỉ báo nhiệt độ,...) cho két hàng
5	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu chở khí được điều áp
6	Trang bị cho tàu chở khí (bảo hộ cá nhân, thiết bị thở, tắm, rửa mắt,...)
7	Trang bị điện trong khu vực nguy hiểm

Tàu chở khí (nhiệt độ thấp)

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra hệ thống kiểm soát hàng (kiểm soát áp suất/nhiệt độ hàng)
2	Kiểm soát môi trường (hệ thống khí trơ)
3	Kiểm tra hệ thống và thiết bị phát hiện và chữa cháy trên tàu (nhiệt độ thấp)

Lưu ý: Các hạng mục thực tập tương tự đối với tàu dầu, tàu chở hoá chất và tàu chở khí có thể được công nhận lẫn nhau.

2.2.2 Thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác

Đăng kiểm viên thực tập đầy đủ hạng mục theo chuyên ngành các loại hình kiểm tra của phương tiện thủy nội địa đang khai thác theo chương trình tập huấn, phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) phương tiện.

a) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
3	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ máy tàu và trang thiết bị máy tàu, điện tàu (không áp dụng đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT)
7	Kiểm tra hàng năm hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra bất thường (kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu, máy tàu,...)

b) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng II kiểm tra các phương tiện theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II được quy định tại khoản 2 Điều 12 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng III) của Thông tư này; hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của đăng kiểm viên hạng I theo phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng I được quy định tại khoản 2 Điều 13 (không kể phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên hạng II) của Thông tư này

TT	Hạng mục thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra trên đà, trung gian thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ máy tàu và trang thiết bị máy tàu, điện tàu
7	Kiểm tra hàng năm, trung gian hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra bất thường (kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu, máy tàu,...)

Lưu ý: Nếu đăng kiểm viên đã thực tập nghiệp vụ đối với kiểm tra định kỳ thì không cần phải thực tập nghiệp vụ đối với kiểm tra trên đà, trung gian và hàng năm.

2.2.3 Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp

Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) sản phẩm;
- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) sản phẩm.

Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp

TT	Hạng mục thực tập
1	Thử và kiểm tra vật liệu (cán, đúc, rèn)
2	Động cơ diesel
3	Tổ máy phát điện
4	Máy lái điện, điện thủy lực, thủy lực

TT	Hạng mục thực tập
5	Thử và kiểm tra nồi hơi
6	Thử và kiểm tra bình chịu áp lực
7	Máy kéo neo, tời
8	Neo, xích neo
9	Chân vịt
10	Dây cáp thép, cáp sợi
11	Thiết bị cứu sinh
12	Thiết bị chữa cháy
13	Thiết bị vô tuyến điện
14	Trục chân vịt
15	Thiết bị nâng (kiểm tra lần đầu, thử tải, hàng năm)
16	Móc kéo
17	Chứng nhận quy trình hàn
18	Chứng nhận thợ hàn
19	Thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra

2.3 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

Đăng kiểm viên thực tập phải thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tại đơn vị đăng kiểm theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên thẩm định thiết kế hướng dẫn đăng kiểm viên thực tập thực hiện đầy đủ nội dung với các loại hình thiết kế của phương tiện thủy nội địa theo các nội dung dưới đây:

- Thực hành có hướng dẫn của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) lần;

- Thực hành độc lập có sự chứng kiến của đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của hạng mục thực tập tối thiểu 01 (một) lần.

2.3.1 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện

TT	Hạng mục thực tập
	Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT
I	Phần vỏ tàu
1	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ gỗ
3	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ xi măng lưới thép

TT	Hạng mục thực tập Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2015/BGTVT
4	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ thép
5	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ gỗ
6	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ nhôm
7	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở người vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
II	Phần máy tàu
1	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện tàu của các tàu chở hàng khô, tàu chở người

TT	Hạng mục thực tập Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT, các sửa đổi và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
I	Phần vỏ tàu
1	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế đóng mới thân tàu hàng khô vỏ gỗ
3	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ thép
4	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ nhôm
5	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu lưu trú du lịch ngủ đêm hoặc nhà hàng nổi
6	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu khách vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
7	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu dầu loại I, II (*)
8	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu cao tốc
9	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu thể thao, vui chơi giải trí
10	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ cao su bơm hơi
11	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu vỏ xi măng lưới thép
12	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu hai thân, nhiều thân
13	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở khí hoá lỏng
14	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở hàng nguy hiểm
15	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu chở hóa chất nguy hiểm
16	Thẩm định thiết kế đóng mới tàu đệm khí
II	Phần máy tàu

TT	Hạng mục thực tập
	Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT, các sửa đổi và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
1	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu hàng khô
2	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu khách
3	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu dầu loại I, II (*)
4	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu công trình (tàu cuốc, tàu hút, tàu cần cầu,...)
5	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm hoặc nhà hàng nổi hoặc khách sạn nổi
6	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu cao tốc
7	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu thể thao, vui chơi giải trí
8	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu nhiều thân
9	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở khí hoá lỏng
10	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở hàng nguy hiểm
11	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu chở hóa chất nguy hiểm
12	Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy, điện của tàu đệm khí
III	Thẩm định tài liệu hướng dẫn

Lưu ý:

- (*) Hạng mục đã thực tập với tàu dầu loại I thì không yêu cầu phải thực tập đối với tàu dầu loại II;

- Hạng mục đã thực tập thẩm định thiết kế đóng mới thì không cần thực tập thẩm định thiết kế đối với loại hình thẩm định thiết kế khác.

2.3.2 Thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp

TT	Hạng mục thực tập
1	Máy lái
2	Máy kéo neo, tời
3	Chân vịt
4	Thiết bị nâng có sức nâng trên 01 (một) tấn
5	Móc kéo

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BỔ SUNG

3.1 Tổ chức, thực hiện đào tạo: Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức lớp học, giảng viên của các trường đại học thực hiện.

3.2 Nội dung chương trình đào tạo bổ sung

a) Chương trình 1

Các kiến thức cơ bản về:

- Vẽ tàu;
- Tĩnh học tàu thủy;
- Bố trí chung và kỹ thuật tàu thủy;
- Kết cấu thân tàu thủy;
- Thiết bị tàu thủy;
- Sức bền tàu thủy.

b) Chương trình 2

Các kiến thức cơ bản về:

- Thiết bị động lực tàu thủy (động cơ diesel);
- Máy phụ tàu thủy;
- Hệ thống đường ống;
- Điện tàu thủy;
- Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy.

PHỤ LỤC II

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN
NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



**GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn chương trình tập huấn:

Đơn vị tổ chức:

Thời gian:

Kết quả:

.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên & đóng dấu)

Số:.....

PHỤ LỤC III²

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN
NÂNG HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN/CÔNG NHẬN LẠI/CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:.....

1. Đơn vị đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá để công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):
Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh:
Số CCCD/CMND:.....
Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
Hiện đang là đăng kiểm viên (**):..... (đã hoàn thành chương tập huấn Giấy chứng nhận số..... (đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số..... (Đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng))
5. Hạng đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:.....
Hồ sơ gửi kèm:

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

- (*) gạch bỏ những phần không thích hợp.
- (**) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng Đăng kiểm viên đang giữ.

² Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

PHỤ LỤC IV³
MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I
TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên:

Ngày tháng, năm sinh:.....

Số CCCD/CMND:.....

Đơn vị công tác:

Chức danh hiện giữ:

Trình độ: + Chuyên môn:

+ Ngoại ngữ:.....

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tầu thủy 2. Máy, điện tầu thủy 3. Vô tuyến điện

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:..... do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày...../.../.....đến ngày...../.../..... tại.....

Kết quả đạt loại.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

³ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tầu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ --- đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng..... tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ. Về trình độ nghiệp vụ Đảng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của đơn vị

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC V**MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN**

*(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Mẫu 1**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY**

Nơi thực tập:

Đăng kiểm viên thực tập:

Đăng kiểm viên hướng dẫn:

Địa điểm và thời gian:

Tên tàu:

Loại tàu:

I. Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1- Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:

.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:

.....

3- Kết quả kiểm tra *(tốt/đạt/chưa đạt - Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:

.....

II. Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:

.....

2- Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:

.....

3- Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

.....

Giám đốc/Phó giám đốc
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Đăng kiểm viên hướng dẫn**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Đăng kiểm viên thực tập**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đảng viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đảng viên hướng dẫn:..... Hạng Đảng viên.....

Thời gian thực tập từ ngày..... đến ngày..... tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
...			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đảng viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....
.....
.....

2. Nhận xét chung của Đảng viên hướng dẫn:

(về tính mẫn cán, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....
.....
.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....
.....

Đảng viên thực tập

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn

(Ký tên & đóng dấu)

PHỤ LỤC VI
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH
NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM
VIÊN KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại:.....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông Chức vụ:.....

- Ông Chức vụ:.....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng/Thực tập..... được đơn vị: đề nghị công nhận mới , công nhận lại , công nhận nâng hạng đăng kiểm viên kiểm tra chuyên ngành vỏ tàu/máy tàu

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị Kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện Kiểm tra tàu:		
2.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Sao thẩm định mẫu:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện kiểm tra:		

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
3.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thẩm định thiết kế thi công:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thẩm định thiết kế hoàn công:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập biên bản kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 25:2010/BGTVT			
4.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Thực hiện kiểm tra:		
4.2.1	Kiểm tra trên đà:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.2	Kiểm tra hàng năm:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.3	Kiểm tra bất thường:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 72:2013/BGTVT			
5.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2	Thực hiện kiểm tra		
5.2.1	Kiểm tra định kỳ:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.2	Kiểm tra trên đà:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.3	Kiểm tra trung gian:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.4	Kiểm tra hàng năm:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.5	Kiểm tra bất thường:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
6.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.3	Lập các báo cáo giám sát của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ... ngày....
 Biên bản này lập thành 02 bản,... bản lưu tại đơn vị,..... bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
 CÔNG NHẬN ĐĂNG
 KIỂM VIÊN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**ĐĂNG KIỂM VIÊN
 KIỂM TRA**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 2

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại:.....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- ÔngChức vụ:.....
- ÔngChức vụ:.....

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng...../Thực tập..... được đơn vị:..... đề nghị công nhận kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp:		
2.2.1	Kiểm tra máy chính, máy phụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Kiểm tra nồi hơi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.3	Kiểm tra bình chịu áp lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.4	Kiểm tra chứng nhận quy trình hàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.5	Kiểm tra thử không phá hủy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.6	Kiểm tra thợ hàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.7	Kiểm tra thiết bị nâng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.8	Kiểm tra máy neo, lái, tời (điện, diesel, thủy lực)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
2.2.9	Kiểm tra neo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.10	Kiểm tra chân vịt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.12	Kiểm tra xích, cáp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.12	Kiểm tra xích, cáp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.13	Kiểm tra vật liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.14	Kiểm tra thiết bị cứu sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.15	Kiểm tra thiết bị cứu hỏa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.16	Kiểm tra thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.17	Kiểm tra công nhận phòng thí nghiệm, trạm thử	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
3.1	Sử dụng chương trình, quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập các báo cáo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ... ngày.....
 Biên bản này lập thành 02 bản,... bản lưu tại đơn vị,..... bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN
THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm.....

Tại:.....

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông..... Chức vụ:

- Ông..... Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông..... chuyên môn..... hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng...../Thực tập..... được đơn vị:..... đề nghị công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế theo chuyên môn

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
2.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.4	Thẩm định mẫu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
3. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
4.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Lập hồ sơ thẩm định cho phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập các báo cáo của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi.... giờ... ngày Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
*(Lãnh đạo đơn vị ký tên,
 đóng dấu)*

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
 CÔNG NHẬN ĐĂNG
 KIỂM VIÊN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**ĐĂNG KIỂM VIÊN
 KIỂM TRA**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC VII⁴
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Số đăng kiểm viên:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được thực hiện công việc nêu trong (các) phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

Số Giấy chứng nhận:

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

⁴ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

CỤC ĐĂNG KÝ KIỂM VIẾT NAM

Phụ lục

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG...**

Số

Họ và tên:Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chứng nhận rằng đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

**II. Phạm vi và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung
(nếu có)**

III. Phạm vi kiểm tra, chứng nhận sản phẩm công nghiệp (nếu có)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)

(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

PHỤ LỤC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY
NỘI ĐỊA THỰC HIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
Số.....

Họ và tên: Chuyên ngành:

Ngày cấp phụ lục:

Chứng nhận rằng đăng ký viên có tên trên được phép thực hiện:

I. Phạm vi và loại hình thẩm định thiết kế theo chuyên ngành

II. Phạm vi thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (*)
(Ký tên & đóng dấu)

() Người có thẩm quyền là Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

Phụ lục VIII⁵**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax:

4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Số CCCD/CMND:

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Hiện đang là đăng kiểm viên (*):

Giấy chứng nhận đăng kiểm viên số cấp ngày tháng năm

5. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên (**):

Đơn vị đăng kiểm*(Ký tên & đóng dấu)**(*) Ghi rõ hạng đăng kiểm viên;**(**) Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.*

⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.